

Lăng Nhân

**VÒNG DÒNG
THI LỄ**



Mục lục

[Giới thiệu](#)

[TÀI HOA CHỚM NỞ](#)

[BỄ BÀNG DUYÊN PHẬN](#)

[QUÁN NGỌC HỒ](#)

[MIẾNG ĐỈNH CHUNG](#)

[OÁN HẬN MỌI CHÒM](#)

[VÀI NHẬN XÉT VỀ THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lăng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

Giới thiệu

Văn học sử Việt Nam ta có ghi ba nữ sĩ nổi danh: Đoàn Thị Điểm, Bà huyện Thanh Quan (tương truyền tên là Nguyễn Thị Hính) và Hồ Xuân Hương. Trong đó Xuân Hương không trội tiếng nhất thì cũng là vị tài nữ dị thường hơn cả. Dị thường đến độ tác phẩm được cái vinh dự ít có, là bị khai trừ trong hầu hết các sách giáo khoa! Vì thi văn của nàng, nếu cho là phóng dãng, thì phẩm-từ này chỉ là lối nói xuôi đở đòn mà thôi... Hơn nữa, thời đại nàng sống đâu đã đến đời phong bại tục quá cỡ, khiến sui - hay giải thích - sự táo bạo của văn nghệ sĩ!

Tuy không tìm ra được bằng chứng xác thực về năm sinh của nữ sĩ, song cũng có một vài mốc giúp ta suy luận được: Xuân Hương sống cùng thời với những người tiếng tăm, như Phạm Đình Hổ, tác giả nhiều sách giá trị và như Nguyễn Huệ - bậc anh hùng đại thắng quân Tàu năm 1788. Nguyễn Huệ sinh năm 1752. Phạm Đình Hổ năm 1768.

Nguyễn Huệ nguyên họ Hồ tên tục là Thơm, con của Hồ Phi Phúc, cùng quê ở Nghệ An với Hồ Phi Diễn, thân phụ Hồ Xuân Hương, Cùng quê, cùng họ, nếu suy ra là thân thích với nhau, e mang tiếng cho nhà giàu vay thêm! Xem năm sinh của Phạm Đình Hổ và của Hồ Thơm, chúng ta có thể đoán già là Xuân Hương đã chào đời trong khoảng 1770 - 1775.

Mấy khoa hương thi không đậu cả, Hồ Phi Diễn đương là nho sinh, xoay làm thầy đồ dạy trẻ mà cũng thấy khó sống trong đất Nghệ đồng cháy cỏ khô, nên phải lang thang ra Bắc, để vợ ở quê coi mồ mã gia tiên. Bảo bọc ít lâu ở tỉnh Hải dương, bấy giờ đã ngoài bốn mươi, ông gá nghĩa với một bà họ Hà cũng chừng ba chục. Bà này chuộng cai phong độ nhà nho, lại thấy vẻ người hiền lành nhã nhặn, nên chịu làm vợ lẽ miễn là được sống riêng với chồng.

Ở tỉnh nhỏ nghe cũng khó mưu sinh ông đồ đem vợ mới về Thăng Long để kiếm chỗ dạy đông trẻ hơn. Ông tìm được ngôi nhà rộng rãi ở phường Khán Sơn ven Hồ Tây (vùng vườn Bách Thú ngày nay, nơi này hiện còn đài Khán Xuân). Người lối xóm ai cũng mến ông là người có tác phong đạo đức, lại nghe giọng nói trọ trẹ nên thường gọi là ông đồ Nghệ chứ không nêu tên. Chính ở khu ngoại thành "cỏ cây chen đá lá chen hoa" này, Xuân Hương đã chào đời vào một ngày mùa xuân. Hai chữ tên là cha đặt cho, lấy nghĩa hương mùa xuân và cũng là hương trên đài Khán xuân.

Ông đồ Nghệ sáu năm sau đó bỗng từ trần vì một cơn bạo bệnh, để lại vợ con trong hoàn cảnh nghèo nàn. Nhưng bà đồ là người đảm đang, tuy vất vả về mưu sinh nhưng không ngần ngại cho con gái theo đòi bút nghiên để giữ cốt cách con nhà: giấy rách còn lành không như thói thường, sợ con gái học chữ dễ hư thân. Nhờ vậy mà Xuân Hương được góp mặt trong làng văn tự, đem thiên tài tô điểm cho ngôn ngữ nước ta thêm phần bóng bảy tinh vi, cho tư tưởng dân ta đỡ phần giáo điều cứng nhắc.

Lăng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

TÀI HOA CHỚM NỞ

Một thiếu nữ được nhiều nho sĩ đương thời cảm mến, ắt là có tài lỗi lạc đã đành, nhưng ai cũng nghĩ, và cũng muốn, cô có dung nhan cá lặn nhận sa nữa, cho lương toàn hương sắc. Hay đâu tạo hóa thường ghét chừ toàn nên ai được chỗ này lại hỏng chỗ kia!

Theo tục truyền thì Xuân Hương có nước da ngăm ngăm, má điểm đây đó vài nụ rỗ hoa. Tính nàng ngay thẳng, gặp ai ăn ý thì nói năng duyên dáng mặn mà, nhưng lại không thể không điều cợt đôi khi sỗ sàng đối với những anh hay chữ lỏng mà vênh vang tự đắc.

Thiên tư đỉnh ngộ, học một hiểu mười, nên được thầy yêu bạn nể, nàng lại rộng xem những sách sử ông đồ Nghệ để lại nên mới 13, 14 tuổi đầu mà vốn học uẩn súc ít ai bì kịp. Điều làm cho người ta kính dị là nàng xuất khẩu thành chương, khó có người dám cùng nàng xướng họa.

Một buổi trưa nóng bức nàng ngồi chơi ở hàng hiên trường học, ngọn gió hiu hiu làm cho thiêm thiếp ngủ quên, khăn áo có hơi xốc xếch. Ba bốn cậu học sinh xúm lại, chỉ trỏ cười đùa làm nàng chột tỉnh. Thế là không chút thẹn thò, cũng không hờn dỗi, nàng

đọc ngay tám câu chỉnh chệch luật Đường:

Trưa hè, hây hẩy gió nồm đông

Thiếu nữ nằm chơi, giải giấc nồng

Lược trúc biếng cài trên mái tóc

Yếm đào trễ xuống dưới nương long

Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm

Một lạch Đào nguyên suối chứa thông

Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt

Đi thì cũng dở, ở không xong...

Mà ở không xong thật, vì Xuân Hương thừa biết mây anh này chỉ hay quấy phá chứ không có tài họa thơ. Có tài họa thơ là mấy anh học giỏi nói năng hoạt bát, thường tụ hội với Xuân Hương để bàn luận văn chương ở sân trường, những khi thầy nghỉ trưa hay đi vắng.

Họ thường kháo nhau các chuyện thời sự ở đó đây để gọi hứng cùng nhau ngâm vịnh, và đều đồng ý là dùng tiếng nôm trước hết để đỡ mệt óc sau những giờ nghiền chữ Hán, và để nuôi cái cao vọng phát huy những trạng từ linh động để tỏ rằng tiếng ta hay hơn chữ tàu.

Về quan điểm này, một anh phát biểu:

- Nhất định hay hơn. Không phải "dù trong dù đục, ao nhà vẫn hơn" mà ao nhà nhất định là trong. Tôi thử đọc anh em nghe bài thơ vịnh cảnh tát nước mà chị Hương làm hôm nọ:

Đang khi nắng cực chứa mưa tè

Rủ chị em ra tát nước khe

Lẽo đẽo chiếc gầu ba góc chum

*Lênh đèn một ruộng bốn bờ be
Xì xòm đáy nước đầu nghiêng ngửa
Nhấp nhồm bên ghềnh dít vắt ve
Ham việc làm ăn quên cả nhọc
Dạng hang một lúc đã đầy phè...*

Không nói đến nhưng ẩn ý nằm trong các chữ nằng cực, tè, khe, ba góc, dạng hang, đầy phè thử hỏi có chữ Hán nào dịch nổi lẽo đẽo, lênh đèn, xì xòm, nhấp nhồm, nghiêng ngửa, vắt ve không nào?

Được anh em tán đồng, Xuân Hương cao hứng nói:

- Các anh quá khen đấy chứ, mấy câu tục tằn ấy có đáng gì!

- Đố tục mà giảng thanh mới thú chứ!

- Em chỉ muốn nói rằng nếu ta định dùng nôm thay chữ, thì ta phải học hỏi lẫn nhau để dùng tiếng nôm cho đúng cách. Em đọc thử câu này để phiên các anh họa cho:

Lượng cả xin anh chớ hẹp hòi

Không nói anh cũng rõ là trong câu họa cấm dùng chữ hẹp trước vần hòi đấy nhé!

Thì làm gì có tiếng nào khác đi với hòi?

Một anh bèn gỡ bí bằng cách nói lái:

Xích lại gần đây tớ thắm hòi! Và thách Xuân Hương hạ được trót lọt một câu vần uông.

Lại không có chữ nào đi với uông cho có nghĩa.

Xuân Hương tìm ra lối thoát:

Một đàn thẳng ngọng đứng xem chuông

Nó bảo nhau rằng ấy ái uông!

Kể ra xuôi đấy, nhưng có người chê: đứng trước cái chuông mà không nói được câu gì hay hơn là đấy cái chuông, thì ra đã ngọng còn thêm đàn độn...

Một hôm, trong buổi họp, có anh nhắc lại câu chuyện thầy vừa mới kể. Khi cụ trạng Mạc Đĩnh Chi sang sứ Trung Hoa, vua Tàu thử tài, cho thị vệ cầm chiếc quạt giơ lên và đánh một tiếng trống, tức là ra đầu đề vịnh cái quạt. Cụ trạng viết: chảy vàng nung đá, trời đất như lò lửa, người vào lúc ấy đặc dụng như Y, Chu; Gió bắc lạnh lùng, mưa tuyết đầy đường, người vào lúc ấy, chết đói như Di, Tề – Thêm câu trong luận ngữ: ai dùng thì làm, không thì để đó, chỉ người với ta có như thế ư?

Và phê bình

- Luận về cái quạt như thế thật là thếu đáo: hành tàng là thái độ quân tử của nhà nho.

- Nhưng đấy là về triết lý. Còn về phần tả thực tưởng cũng nên nói ra cho rành rẽ, cách vật mà...

- Phần này dành cho chị Hương nhé! Chỉ có chị mới làm được ra trò...

Xuân Hương mỉm cười:

- Các anh chớ quá khen...

Ngừng giây tát, nàng nói:

- Cấm cười đấy!

Rồi chậm rãi ngâm:

Một lỗ sâu, râu mấy cũng vừa

Duyên em dính dán tự ngày xưa

Vành ra ba góc khuôn còn méo

Khép lại đôi bên thị vẫn thừa

*Mắt mặt anh hùng khi tắt gió
Che đầu quân tử lúc sa mưa
Nâng niu ước hẹn người trong trướng
Phành phạch đêm ngày đã sướng chưa?*

Mấy anh bàn tán:

- Hay, hay quá! Lại đúng nữa! Hai chữ sâu, xâu, thật tuyệt, vừa là sâu hoắm lại vừa xâu cái nan quạt. Khép lại thì giữa là cái nan hai bên giấy chả thừa ra là gì! Có điều ê cho mặt anh hùng với đầu quân tử... Nhưng đến lúc phành phạch thì quên hết!

Xuân Hương cười:

- Để em làm bài khác tạ lỗi với anh hùng quân tử vậy:

Mười bảy hay là mười tám đây?

Cho ta yêu dấu chẳng rời tay

Mỏng dầy chừng ấy tránh ba góc

Rộng hẹp nhường nào cấm một cây

Lúc nóng bao nhiêu bù lúc mát

Ban đêm chưa phỉ lại ban ngày

Hồng hồng má phấn duyên vì cậy

Chúa dẫu vua yêu một cái này...

Mấy anh lại trầm trồ:

- Mỏng, dầy, rộng, hẹp, những ước lượng thật lý thú. Nhưng hay nhất trong bài là chữ cậy. Vừa là nhựa quả cậy để phất cho giấy dính vào nan quạt, lại vừa là cậy có cái để vua yêu. Cái quạt của chị ghê gớm thật...

Xuân Hương thường vui vẻ khiêm nhường với những bạn văn thơ, nhưng lại ghét cay ghét đắng những anh chàng hay chữ lỏng mà hay khoe mẽ. Mỗi lần gặp mặt là xỉ vả hết lời:

Khéo khéo đi đâu lữ gần gần

Lại đây cho chị dạy làm thơ

Ông non ngựa nọc châm hoa rữa

Dê cỏn buồn sừng húc giậu thưa...

Có lần đi dạo cảnh chùa Chấn Quốc ở đường Cổ Ngư ven Hồ Tây, nàng thấy mấy thanh niên cầm bút viết một bài thơ lên vách chùa, ra bộ ngông nghênh tự đắc, liền dừng chân, liếc mắt, tủm tỉm cười, rồi ngâm:

Dắt díu nhau lên đến cửa thiền

Cũng đòi học nói, nói không nên

Ai về nhắn bảo phường lời tới

Muốn sống đem vôi quét trả đền!

Tiếng ngâm vừa dứt, quay lại nhìn, thì mấy ông thi sĩ non đã biến đâu mất dạng...

* * *

Chùa Chấn Quốc là một cảnh chùa ở nơi hẻo lánh xa chốn phồn hoa, sư cụ với sư thầy đều cao tuổi, có học vấn lại có đạo hạnh, nên Xuân Hương rất kính trọng, thường lui tới vàng hương. Còn nàng không ưa những vị sư trẻ ở kinh đô vì phần nhiều thuộc thành phần trốn việc quan đi ở chùa, ít chữ nghĩa mà nhiều tham vọng, chỉ khéo luồn lọt nơi cửa quyền để chiếm những ngôi chùa đẹp, đông khách thập phương, cho dễ no cơm ấm áo. Trông bọn họ múa may, nàng có thơ diễu:

*Chẳng phải Ngô mà chẳng phải Ta
Đầu thì trọc lóc, áo không tà
Oản dăng trước mặt dăm ba phẩm
Vãi nắp sau lưng sáu bảy bà
Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe
Giọng hì, giọng hỉ, giọng hi ha
Tu lâu có lẽ lên sư cụ
Ngất ngểu tòa sen nọ đó mà!*

Điều cốt, bóng gió, nằm trong bốn câu sau. Rõ rệt nhất là câu ví: Ngất ngểu không cùng hình dáng với ngất ngưỡng và tòa sen nọ khác với tòa sen kia?

** * **

Đầu sư cạo nhẵn mà vô ý bị ong đốt, cũng là đầu đề cho bài thơ chế nhạo không nề thô tục:
*Nào nón tu lơ, nào mũ thâm
Đi đâu chẳng đội, để ong châm
Đầu sư há phải gì bà cốt
Bá ngọc con ong bé cái lằm!*

** * **

Cái trò no ấm cật dễ khiến một vài vị đeo tiếng hổ mang khiến Xuân Hương trở tài nói lái:
*Cái kiếp tu hành nặng đá đeo
Vị gì một chút tẻo tèo teo
Bè từ muốn ghé về Tây Trúc
Trái gió cho nên phải lộn lèo!*

** * **

Chùa Quán sứ nguyên là nơi công quán để đón tiếp sứ thần nước ngoài. Công quán sau thiên đi một nơi đẹp đẽ hơn, ngôi nhà cũ được sửa sang lại thành chùa trông cũng khang trang, song gặp buổi loạn ly, ít ai sẵn sóc đến, nên Xuân Hương có hai bài cảm hoài:

I*Quán sứ sao mà cảnh vắng teo!*

Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo?

Chày kinh, tiểu để xuống không dấm

*Tràng hạt, vãi lằn, đếm lại đeo***II***Sáng banh không kẻ khua tang mít*

Trưa trệt nào ai móc kẻ râu

Cha kiếp đường tu sao lắt léo?

Cảnh buồn thêm ngán nợ tình đeo...

Xuân Hương thường ngày, tùy cảnh, tùy người, tùy hứng, xuất khẩu thành thơ, bài nào cũng một giọng đùa ý nhị, trôi chảy như một làn mà vẫn đóng khung trong niêm luật nghiêm chỉnh, là điều khó khăn ít ai vượt được Những bài đặc ý được các bạn ưa ngâm nga trong lúc quần tam tụ ngũ, người nọ truyền tai người kia, thành ra chẳng bao lâu nhà quê kẻ chợ, không đâu không thuộc. Đám trung niên rất tán thưởng lời thơ bóng gió tài tình. Người lớn tuổi ở chỗ đông thì chê là lằng lơ, đòi truy, nhưng khi vắng lại thích thú khen thầm. Dù sao, khen hay chê cũng gây nên tiếng tăm hay tai tiếng, đi xa về gần, rốt cuộc rồi đến tai bà đồ. Bà dâm lo ngại, nhất là khi thấy con trong tuổi dậy thì, mỗi ngày thêm phần duyên dáng nên nghĩ rằng cho theo đòi chữ nghĩa để giữ nếp nhà thế cũng là đủ và bảo nàng nghỉ học. Nhiều người thấy nàng thướt tha óng ả cũng muốn tới làm quen nhưng đều ngán cái tính nàng đánh đá và khẩu khí

mẫn tiệp.

Thật ra, lời thơ tuy có vẻ buông thả và tỏ ra sự thấy biết rành rẽ về những oái ăm của tình cảm, song hình như phẩm hạnh giai nhân không chệch ra ngoài gia huấn, vì nàng giữ giá nên đứng đỉnh làm cao. Thái độ ấy đối với con nhà văn tự là một khiêu khích đáng yêu, nhưng với kẻ phàm phu lại làm họ bất mãn rồi hằn học đến nỗi phao vu là ái nam ái nữ, khiến nàng bực mình, thảo ra bài sau đây:

Tự Tình Ca

*Khi canh cửa, lúc ngồi thư thả
Ngắm sự đời buồn bã gớm ghê
Âm dương lấy đó mà suy
Côn trùng còn thế, huống chi là người
Nghĩ chán thay những lời đặt để
Đặt nên lời nói kể những câu
Nguồn đào khe đổ có đâu
Khóa bưng lấp cửa công hầu bấy nay
Khi thông thả mặt mày ngắm lại
Lúc buồn tình tay gãi đã quen
Rành rành múi mít hai bên
Lùm lùm trai úp, là miền hạ thôn
Cỏ rêu mọc xanh rờn cửa tía
Lá cờ bay đỏ khé song đào
Môi đầy, miệng rộng trán cao
Đúng trong tướng pháp: anh hào nghị dung.
Ấy rõ thật lá vông đầy đầy
Bằng lương nhân trông thấy cũng ghê
Há như lá trúc lá tre
Mà cười, mà ngắm, mà kè, mà hôn
Của trời cho xinh dòn là thế
Người sao còn bẻ hộc rằng không
Nín thì tức, nói thẹn thùng
Phải đô bán chợ mà hồng phô trương
Mà giá thử như phường tơ kén
Vén màn quay bày biện đồ ra
Để cho những khách gần xa
Thử xem cho biết rằng là có không
Nhưng mà thuộc vào dòng quý tướng
Bộ râu xồm quai nón phát phơ
Màn mừng phủ sớm che trưa
Tuyết sương chẳng nhuộm, nắng mưa chưa đành
Hoặc có lúc hờ hênh hôm sớm
Chỉ những người nhìn trộm mới hay
Ví bằng đem để sánh bày
Thất kinh vía quý, xa bay hồn phàm*

Nay nhân buổi an nhàn thư thái
Chép vài hàng gấm gửi nước non
Cậy ai nhắc nhở ôn tồn
Hãy tin rằng có, chớ ồn rằng không
Đời đã thiếu anh hùng cát sỏi
Cửa phòng the dễ hé cho ai!
Tự tình ta viết ta chơi
Không không có có, miệng đời xá chi...

Lăng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

BỄ BÀNG DUYÊN PHẬN

Mẹ con bà đồ hủ hỉ bên nhau, mẹ tắt tả ngược xuôi, nay chợ Bưởi mai chợ Ngọc hà, con thì cặm cuội ngày đêm bên khung cửi. Tuy bận tay chân, Xuân Hương cũng không quên được lòng thơ lai láng, đối cảnh dễ sinh tình, lẩm nhẩm mấy câu khe khẽ mà tủm tỉm cười thầm:

Thấp ngọn đèn lên thấy trắng phau

Con cò mấp máy suốt đêm thâu

Hai chân đạp xuống nâng nâng nhấc

Một xuất đâm ngay thích thích mau

Rộng hẹp nhỏ to vừa đúng cả

Ngắn dài khuôn khổ cũng như nhau

Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ

Có thắm vào trong mới đại màu

Bà đồ nghe lõm bõm, bực mình, phàn nàn:

- Thơ với thần? Đêm hôm làm đã cực nhọc, còn nâng nâng thích thích cái gì chóng lòn, khó nghe thế! Chả trách họ đồn đại ra ngoài cũng không oan...

Bà vốn đã phiền lòng về điều kia tiếng nọ, lại gặp lúc phường xóm không được yên ổn, nhà quê kẻ chợ cướp bóc tứ tung, nên chỉ mong sao con gái sớm có nơi có chốn cho đỡ lo ngại.

Trong xóm có viên phó tổng tên tục là Cóc, nhà rất giàu có. Tuy đã lớn tuổi, vợ con đầy đàn, nhưng quen thói ăn chơi, mỗi khi đi qua cửa, thấy Xuân Hương như quả chanh cốt ngon lành, đâm thèm nên mượn ngườiướm lời xin bà đồ cho cưới làm bậc hai. Bà đồ biết tính con gái cứng đầu cứng cổ khi nào chịu làm thân lẽ mọn, nhưng cũng cứ lựa lời, đêm vắng tỉ tê, nào cảnh nhà thanh bạch, nào nỗi nước loạn li, mẹ tuổi ngày càng cao, sức ngày càng yếu, mà thấy con còn lẳng đàng chưa yên, lỡ ra có mệnh hệ nào thì nhắm mắt sao đành. Xuân Hương tự nghĩ: mình như con ngựa bạch mà đem thắt dây cương bằng thùng chả oan uổng lắm sao! Nhưng mẹ già đã chật vật vì mình quá nhiều rồi, cần phải được nghỉ ngơi. Thôi thì một hạt mưa dào đã không được vào vườn hoa thì cũng đành sa xuống giếng chứ sao: một liều ba bẩy cũng liều, miễn được cái vốn cho mẹ dưỡng già...

Thế là một buổi chiều, mấy người bên nhà ông tổng đến đón Xuân Hương. Nàng lạy mẹ, rồi rung rung nước mắt xách nón quai thao theo sang nhà chồng. Ở đây sự đối đãi không niềm nở lắm, nhưng cũng không đến nỗi tệ nhạt... cho ông Cóc hài lòng. Ông không hài lòng sao được? Ông mở cò trong bụng! Cho nên hương cũng đượm lửa cũng nồng... trong buổi ban đầu lưu luyến. Chỉ tiếc rằng sau đó chừng một tháng sự lưu luyến đó bắt đầu giảm độ rồi dần dần ông vắng bóng cả tuần trong chốn phòng hương. Lý do một phần là lực bất tòng tâm, phần nữa ông phải lấy lòng bà cả, nhưng phần lớn là vì ông vốn máu mê cờ bạc, thường mài miệt ở các sòng

thâu đêm suốt sáng, đến khi về nhà là chỉ lẫn ra ngáy khò khò, còn lúc nào đâu để thương ngọc tiếc hương! Cho nên Xuân Hương cảm thấy bẽ bàng, trong những đêm trăn trọc một mình không tránh được nỗi tủi phận hờn duyên.

* * *

Mỗi duyên không đơm này, rồi cũng không bền. Chừng nửa năm sau, ông tổng thốt nhiên lâm bệnh: cảm mạo thường thôi, ai ngờ trở thành trầm trọng, thuốc hay thầy giỏi không cải được mệnh trời, một buổi sáng ông trút hơi thở cuối cùng. Xuân Hương nức nở mấy câu, không tránh được giọng mỉa mai trong niềm cay đắng phận mình:

*Hỡi chàng ơi, ới hỡi chàng ơi,
Thiếp bẽ duyên chàng có thể thôi
Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé!
Ngàn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi*

Tục truyền khi con cóc chết, lấy vôi đánh dấu vào đầu nó thì ba năm sau nó sống lại, quay đầu về núi. Xuân Hương sẽ bỏ ngàn vàng không tiếc để mua lại cái dấu vôi, kéo Cóc lại trở về... Chôn cất xong xuôi, nàng lại xách nón trở về nhà với mẹ, tâm tư như trút được gánh nặng ngàn cân khi tìm lại được niềm an ủi trong tình thâm mẫu tử. Mẹ con sống êm ả bên nhau, rau dưa đắp đổi, thấm thoát gần một năm tròn. Bà đồ vì bao năm vất vả, sức vóc suy nhược nên những lúc mưa nắng thất thường, gió sương trái tiết, lại mệt mỏi, vài ngày không dậy được. Dần dà như chuối chín cây, tuy Xuân Hương hết lòng nâng giắc chăm nom mà không tránh được ngày rơi rụng. Cái tang này mới thật là một mất mát to lớn, vô cùng đau đớn cho Xuân Hương. Một thân vò võ, nước mắt nghẹn ngào, muôn phần cay đắng. Bà con lối xóm đi lại thăm hỏi, một vài môn sinh của ông đồ Nghệ khi xưa, dăm bảy bạn đồng song cũ, nghe tin rủ nhau đến, giúp giập dỡ dần, Xuân Hương cũng khuây khỏa đôi chút.

Rồi ngày qua tháng lặn, nhang sớm đèn khuya, xong giỗ đầu đến giỗ hết, đạo hiếu lo tròn, bấy giờ mới thấy thân mình thật là quạnh hiu trơ trọi, không còn gì bầu víu với đời...

Lăng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

QUÁN NGỌC HỒ

Tưởng thế thôi, chứ với đời Xuân Hương cũng còn có chỗ bầu víu: nhóm bạn học cũ vẫn năng tới thăm nom và hết lòng gỡ rối những khó khăn trong công ăn việc làm hàng ngày.

Một hôm, nghe Xuân Hương phàn nàn về thời buổi gieo neo, dật cử và mua bán sợi vải chăm chỉ hết mình mà cũng không được xởi lởi, một bạn đề nghị:

- Hay là Hương chịu khó xuống phố thuê cửa hàng, có lẽ đỡ hơn?

- Trăm tội không gì bằng nghèo, anh ạ! Giá có vốn thì còn nói gì!

Anh khác gạt đi:

- Cần gì phải đi đâu? Hương cứ nghe tôi: Đây xa nơi thị tứ thật, nhưng có cảnh hồ Tây, có vườn Ngọc Hà, mùa nực thiếu gì khách thừa lương! Không những thế, những tài bầy bước thành thơ của Hương, tôi đi chơi trong đất Thăng Long này, thấy không đâu không có người hâm mộ. Vì thế, tôi tưởng tốt hơn hết là Hương mở ngay tại nhà một quán trà nước, không sợ lỗ vốn đâu, sẽ có nhiều bạch diện thư sinh kéo đến, cho mà xem!

- Nhưng mình con nhà học trò, chưa mở quán bao giờ, thì biết đường nào mà lần?

- Cái đó không lo, tôi sẽ nhận việc trang hoàng cho ra vẻ một cái quán thanh lịch thu hút tao nhân mặc khách bằng những thú hấp dẫn như rượu Vĩng thị ngâm bồ, như trà đầu xuân ướp kim cúc... Ở vùng này lại có tôm cá Nghi tằm ngon nổi tiếng. Với lại có Hương nữa, chả thơm là gì. Chỉ cần Hương nhũn nhặn chiều khách, đừng riều cợt quá mà người ta giận đấy...

Xuân Hương trầm ngâm một lát, nghĩ bụng: "Anh này bàn cũng phải, biết đâu cái quán này chẳng trở thành một thứ chợ đời, cho mình chọn bạn?" Ý đã quyết liền nói:

- Vâng thì mở quán, nhưng cũng phải đặt một cái tên cho văn vẻ, chứ chả lẽ gọi xuông là quán nước?

- Thì đó ta sẵn có hai thắng cảnh, là hồ Tây và Ngọc Hà, đặt ngay là quán Ngọc Hồ, chả đẹp chán rồi ư? Chữ hồ () này không những đồng âm với họ Hồ () lại còn với () trong câu thơ của Vương xương Linh, gọi lên được ý nhất phiến băng tâm kia đấy...[1]

- Thôi đi, còn bằng tâm cái con vồ gì nữa![2]

- Hương ạ, cái gì đã qua thì cho qua luôn, nghĩ đến cái sắp tới mới là thức thời...

- Cám ơn anh đã vạch cho một lối để đi tới. Vậy chúng ta bắt tay vào việc ngay nhé: năm sắp hết rồi, nên chuẩn bị để kịp khai trương vào dịp Tết cho may mắn.

* * *

Ngôi nhà tường gạch mái tranh, hai lớp cách nhau một sân khá rộng. Trông ra đường có mảnh vườn xinh xinh, bên trồng hoa, bên râm bóng cây mít. Nhà trong là nơi phòng khuê. Nhà ngoài làm quán: ghế tre, bàn gỗ đơn sơ nhưng xếp đặt ngay ngắn, trang nhã. Hai bên vách, vôi mới trắng tinh, tay phải bức tranh Hai cô Tố Nữ, với bài thơ này:

Bao nhiêu tuổi thế, hử cô mình?

Chị đã xinh mà em cũng xinh!

Đôi lứa như in tờ giấy trắng

Ngàn năm còn mãi cái xuân xanh

Phiếu mai chi đám tình trắng gió

Bồ liễu thôi đành phận mỏng manh

Còn thú vui kia sao chẳng vẽ?

Trách người thợ vẽ khéo vô tình...

Tường phía trái, anh bạn vẽ chấm phá cảnh đánh đu ngày Tết, khoảng trên bài thơ vịnh:

Tám cột khen ai khéo khéo trồng

Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông

Trai co gối hạc, khom khom cột

Gái uốn lưng ong, ngửa ngửa lòng

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới

Hai hàng chân ngọc ruỗi song song

Chơi xuân, có biết xuân chẳng tá?

Cột nhổ đi rồi... lỗ bỏ không...

Hai bên cột cửa ngoài dán đôi câu đối viết trên giấy hồng điều điểm kim nhũ:

Tối ba mươi khếp cánh càn khôn, đóng chặt lại kéo ma vương đưa quỷ tới

Sáng mồng một lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước xuân vào!

* * *

Tính rằng sáng mồng một mở toang cho thiếu nữ rước xuân, nhưng lại e thiên hạ né điềm xông đất mà không dám đến, nên mồng bốn mới thực sự Ngọc Hồ mở quán. Mới đầu, một vài người rụt rè bước vào, ngày sau đông hơn, sau lại đông hơn nữa.

Mới biết anh bạn đoán đúng: phàm phu thì ít, phần nhiều là đám chữ nghĩa vì hiếu kỳ mà đến.

Mà kỳ thật: phụ nữ bán quán thì thiếu gì, nhưng ít người có học, phụ nữ có học thì nấu trong khuê các hoặc có sáng tác, cũng ở trong khuôn khổ cương thường, chứ có ai như Xuân Hương hể xuất khẩu là trai lơ bóng gió, nói ra toàn những điều kiêng kị! Người ta coi cô nàng như một thứ yêu tinh thần nữ, nên ai cũng tò mò tới xem cho biết!

Vả lại nghe cô chủ quán đối đáp duyên dáng, ai chẳng nức lòng?

Một anh khóa xem bức vẽ Đánh Đu, nói nhỏ nhẹ:

- Cột nhổ đi rồi, lỗ bỏ không... Thì trồng cột khác khó gì!

- Thế mà khó đấy cậu ạ! Là vì cũng phải cột tấu cột lim, chứ cột tạp thì được mấy nả!

Anh khóa trở mắt, lặng lẽ rút lui...

Anh thư sinh khác đọc bài thơ Hai cô Tố Nữ, thắc mắc:

- Còn thú vui kia sao chẳng vẽ, trách người thợ vẽ khéo vô tình... Tôi nghĩ người ta hữu tình đấy! Giấu đi để cho phải tìm, mới hay chứ!

- Chắc cậu hay chơi ú tim...

- Chơi ú tim đến lúc òa mới sướng...

- Vâng, cũng có khi ú tim mà tìm chẳng ra?

- Biết đâu chừng, cô nhĩ!

* * *

Chiều hè oi ả, Xuân Hương ra hóng gió ngoài cửa quán, một anh khăn lượt áo the thùng thỉnh

đi tới, thấy cây mít rừng rinh những quả, tùm tùm nói:

- Mít nhà chắc thơm lắm đây, cô quán nhỉ?

Xuân Hương nghĩ bụng: trông cũng sạch nước cần đây[3]liền ứng khẩu:

Thân em như quả mít trên cây

Da nó sù sì, múi nó dày

Quân tử có thương thì đóng nõ

Xin đừng mân mó... nhựa ra tay!

Anh chàng mặt đỏ dừ, giả vờ ấp úng:

- Thưa cô, tôi không am hiểu mấy về cây cối, cô bảo đóng nõ là thế nào cơ?

Tài trai mà không biết? Muốn đóng nõ, phải hái mít xuống đã...

- Thế à! Rồi phải làm sao nữa, hử cô?

- Rồi rút cuống mít ra lấy cái nõ là một khúc gỗ dài bằng gang tay, to bằng ngón chân cái, nong lô cuống cho rộng để nhựa chảy ra, nắng soi vào thì mít chóng chín. Nhưng nhựa nó ra tay, khó chịu lắm đấy!

-Ồ mít có gai, ai dám mân mó...

- Phải để ý vào chứ!

Có lần đảng ô Yên Phụ đem lại một rổ ốc nhồi, con nào con nấy tròn ửng. Xuân Hương cho ngâm nước vo gạo một đêm, hôm sau đem luộc chín, rồi nhân lúc vắng khách, gọi người nhà quây quần lại ngồi ngay nơi nền đất, lấy gai khều vẩy, vừa ăn vừa xuýt xoa, nước mắt nước mũi ràn rụa.

Vừa hay một ông khách vào quán, thấy thế nói đùa:

- Ốc ngon quá nhỉ! Nào cho tôi ngoáy vài con...

Trông khách có vẻ cục mịch, lại ăn nói sỗ sàng, Xuân Hương không buồn chào hỏi, thủng thỉnh ngâm:

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi

Đêm ngày lặn lóc đám bùn hôi

Quân tử có thương thì bóc yếm

Chớ đừng ngo ngoáy lỗ trôn tôi

Rồi cô đứng lên vào nhà trong, để mặc cho người nhà tiếp đãi...

* * *

Một hôm trời đã nhá nhem, hai người mặc thường phục tới quán, một trông vạm vỡ, râu ria xồm xoàm, một thì loắt choắt, mày râu nhẵn nhụi. Ông này ỏn ẻn:

- Chẳng giấu gì cô quán, vị này là quan lãnh trong thành nội, còn bĩ nhân giữ chức thị vệ ở nội cung, chẳng mấy khi có dịp ra chơi bên ngoài. Nay nghe tiếng cô là tay tài nữ nên...

Rồi ông ta lắc lư ngâm hai câu:

Rằng nghe nổi tiếng tài danh

Thử xem có được mắt xanh để vào!

Xuân Hương cười nụ, nghĩ thầm: rõ khéo, để vào thì để vào đâu kia chứ? Nhưng cũng ôn tồn thưa:

- Em thì tài danh gì đâu, chẳng qua chỉ nôm na ít câu tục tĩu không đáng để vào tai bậc trí thức như các quan...

- Không sao đâu, có tục có thanh mới thành giai cú chứ.

- Vạy em xin phép mừng quan Thị trước một bài:

*Mười hai bà mẹ ghét chị nhau
Đem cái xuân tình vứt bỏ đâu?
Rúc rích thây cha con chuột nhắt
Vo ve mặc mẹ cái ong bầu
Đố ai biết được vòng hay tróc
Còn kẻ nào hay cuống với đầu
Thôi thế thì thôi, thôi cũng được
Ngàn năm khỏi chịu tiếng trong dâu!*

Quan Thị cảm thấy đau hơn hoạn, mặt mày xanh xám, mắc cở với bạn đồng hành, song cũng cố nén giận để chữa thẹn:

- Thơ cô hay đáo để... Đáo để! Nhưng... nhưng mà... nhưng mà thôi? Cô hãy tặng quan lãnh đây một bài đi, cho vui?

Bấy giờ, quán mới lên đèn, Xuân Hương tươi cười đáp:

- Vâng, em có mấy câu để tỏ lòng khâm phục tài thao lược của quan Lãnh:

*Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn
Tối tuy không mắt, sáng hơn đèn!
Đầu đội nón da loe chớp đỏ
Lưng đeo bị đạn rủ thao đen...*

Vừa dứt câu thì quan Lãnh đẩy ghế đứng phắt dậy, mặt hầm hầm, kéo tay quan Thị bỏ đi, không một tiếng chào.

Mấy người khách quen, từ nãy giờ nghe thơ chỉ tủm tủm đưa mắt nhìn nhau, giờ mới phá ra cười:

- Nữ sĩ sao mà độc miệng thế! Người ta quan cách thế mà nữ ví với cái của nợ! Các quan giận là phải...

- Tôi cứ nghĩ lão ta không hiểu kia đây. Nhưng biết nổi giận thì cũng là thông minh. Còn hơn nhiều tướng tá?

* * *

Quán Ngọc Bô nổi tiếng đến độ người ngoại quốc cũng muốn tham quan! Một chú Tàu có máu văn nhân, một hôm tìm tới. Chừng mới theo đạo quân Tôn sĩ Nghị sang, nên chưa nói được tiếng ta, xỏ một thôi tiếng Quảng đông, Xuân Hương không hiểu gì cả, nhưng thấy tia mắt có vẻ sỗ sàng. Liền cầm bút viết:

*Chân đi hài Hán,
tay bán bánh Đường,
miệng nói lú lờng
Ngây ngô, ngây ngô*

Chú Tàu cầm xem, đọc được mấy chữ Hán, Đường, Lương, Ngô còn thì chữ nôm rậm rì, chưa từng đọc qua, e rằng công kích sự xâm lược của mình chẳng, nên uống chén trà rồi cười hề hề, đứng lên cáo thoái.

* * *

Vào cỡ tháng ba, một hôm Xuân Hương đang bận làm bánh trôi nước[4] thì người nhà vào thưa: Một cậu công tử có tiểu đồng điều chấp theo sau, ngỏ ý muốn được gặp chủ quán.

Xuân Hương bảo hỏi xem là ai, thì mới hay là cậu Phạm Đình Hổ.

- À cậu Chiêu đây mà! Cậu là danh gia tử đệ đấy.

Cô giở bộn một chút, hãy đưa mấy câu này ra trình trước đã...

Người nhà đem tờ hoa tiên ra, cậu chiêu giơ lên xem thấy bốn câu:

Quả cau nho nhỏ, lá trầu hôi

Này của Xuân Hương mới quệt rồi

Có phải duyên nhau thì thăm lại

Đừng xanh như lá, bạc như vôi

Liền gọi tiểu đồng mở cháp lấy giấy bút đáp lời:

Người Cổ lại còn đeo thói Nguyệt

Buồng Xuân chi để lạnh mùi Hương!

Xuân Hương đọc qua, mỉm cười: Cổ ghép Nguyệt là chữ Hồ, gọi hẳn tên họ mình ra, lại trêu mình trong cảnh quạnh hiu! Vội vấn khăn lại rồi cho mời khách vào.

Thấy người có vẻ tuấn tú phong cách hào hoa, nàng rất đẹp lòng, chào mời vồn vã:

- Chả mấy khi rồng đến nhà tôm, xin mời công tử ngồi đây, dùng chén trà đậm bạc này, may ra hương cúc Thúy sơn sẽ khiến buồng xuân đỡ lạnh chút nào...

Chiêu Hồ[5]cười nụ:

- Khẩu trầu ngoài kia đưa, tôi chưa dám thử xem "quệt" ra sao, vì sợ mình yếu bóng vía, chưa gì đã say... đâm ra ngất ngư...

Xuân Hương ửng hồng đôi má, vội nói lảng:

- Thật là quý vật tìm quý nhân đây nhá: chả nhân tết hàn thực, nhà có làm ít bánh trôi nước, để mời công tử nếm thử vài viên...

Thử vài viên? Quý nương nói đúng quá đi mất thôi? Nhưng tôi có tật "đưa cay" trước đã...

Xuân Hương vội lấy bình rượu Vồng thị rót vào chén sứ, nâng mời. Chiêu ghé môi, nhấp nhấp, đầu gật gù, mắt liếc ngang, tay cầm thìa vớt viên bánh, nhắm nhí ra điều tán thưởng, rồi chậm rãi khen:

- Rượu ngon, người đẹp, bánh lại khéo! Áo ngoài mịn màng, viên đường bên trong lúc cắn vỡ, lại thơm ngát mùi mía Đường Chèo, thật là tuyệt phẩm...

Xuân Hương nhỏ nhẹ:

Công tử quá khen, chứ viên bánh tầm thường này có đáng gì, chẳng qua cũng tầm thường như em đấy mà thôi:

Thân em thì trắng, phận chưa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Dần nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son...

- Lòng son thơm ngọt thế này, lo gì phận ấy chẳng tròn!

Thế rồi chuyện nọ dọ chuyện kia, giây cà ra giây muống, văn thơ đầy đưa tình tứ, tình tứ bốc ngút hơi men, công tử với quý nương rồi đổi ra anh với em, anh lại biến ra ông, em nhảy lên chị, lúc nào không biết, khiến chiêu ta không ngăn nổi một vài cử chỉ chót nhả làm cho giai nhân phải ra bộ lạt nghiêm:

Anh đồ tỉnh? Anh đồ say?

Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày?

Này này, chị bảo cho mà biết:

Chốn ấy hang hùm, chớ mó tay!

Chiêu thấy hang hùm mà là chốn ấy thì cũng bực lòng cho Hồ, đâm cù nhầy:

Này ông tỉnh! Này ông say!
Này ông gheo nguyệt giữa ban ngày!
Hang hùm ví bằng không ai mó
Sao có hùm con bỗng trốc tay?
Phải rồi, không thể thì lấy đầu ra con mà bỗng trên tay? Nói với người say như vay không trả,
Xuân Hương thôi cũng đành vậy, chứ biết sao bây giờ...

* * *

Từ đấy, hai người sống bên nhau trong cảnh già nhân ngãi non vợ chồng, khi rượu thơ, khi đàn địch, khi cây cảnh, khi cuộc cờ... Cuộc cờ trên bàn son rồi gợi hứng cho Xuân Hương miêu tả cuộc cờ người:

Chàng với thiếp canh khuya trần trọc
Đốt đèn lên, đánh cuộc cờ người
Hẹn rằng đấu trí mà chơi
Cấm ngoại thủy không ai được biết
Nào tướng sĩ giàn ra cho hết
Thiếp cùng chàng hãy quyết một phen
Quân thiếp trắng, quân chàng đen
Hai quân ấy chơi nhau đà phải lứa
Thoạt mới vào chàng liền nhả ngựa
Thiếp vội vàng vén phướn tượng lên
Hai xe hà, chàng gác hai bên
Thiếp sợ bí, thiếp liền ghềnh sĩ
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý
Đem tốt đầu dú dí vô cung
Thiếp đương mắc nước xe lồng
Nước pháo bỗng nổ ùng ra chiếu
Chàng bảo chịu, thiếp rằng chữa chịu
Thua thì thua, quyết níu lấy con...
Khi vui nước nước non non
Khi buồn, lại giở bàn son quân ngà...
Nhưng khi chàng bảo chịu mà nàng níu không xong, thì nàng lại trách là bội bạc
Chú lái kia ơi, biết chú rồi!
Qua sông, đã lại đắm ngay bời...
Trèo ghe vừa khỏi dòng sông ngược
Đắm cựa ngay vào gần nước xuôi
Mới được lên bờ, đà vồ đất
Nào khi giữa khúc phải co vùi
Chuyến dò nên nghĩa sao không nhớ?
Sang nữa, hay là một chuyến thôi!
Khốn thay, một chuyến thôi hay là sang nữa, quyền còn đâu ở cậu chiêu? quyền thuộc... tạo hóa!

* * *

Lại có hôm trời nắng, Xuân Hương giặt rũ xong đem phơi la liệt trên sân rồi ngồi nghỉ nhà

trong, thì chiêu Hồ ở ngoài đi vào, đầu vương phải một vạt áo dài. Xuân Hương ngó thấy, vừa cười ngặt nghẹo, vừa nói:

- *Rõ đẹp chữa, anh đồ ơ!*

Tán tía tàn vàng,

che đầu nhau đỡ khi nắng cực.

Chiêu Hồ bực mình, lẩm bẩm:

- Chà, quân này hỗn thật, những của nợ này mà gọi là tàn với tán, lại còn nói lái nữa chứ!

Rồi cất to tiếng:

- Nghe đối ngay đây:Thuyền rồng mui vẽ, vén buồm lên rồi sẽ lộn lèo!

Thế là cùng phá lên cười, Xuân Hương chờ chiêu Hồ khép cửa rồi cùng nhau... tránh nắng!

* * *

Nhân ngày Phật đản, một bạn gái hẹn đợi Xuân Hương canh năm hôm sau đến tìm để cùng đi lễ chùa Diên Hựu (tức chùa Một Cột gần đó). Không ngờ qua một đêm mưa gió, Xuân Hương đến sáng rõ rồi mới sực tỉnh, tần ngần nói với chiêu Hồ:

- Lỡ hẹn mất rồi! Lạ quá, mọi khi cứ trống canh năm là dậy rồi, sao hôm nay chẳng nghe thấy tiếng trống? Hay là trống thủng rồi cũng nên...

Chiêu Hồ đương ngái ngủ, lẩm bẩm:

- Tại mình ngủ say chứ, sao lại đổ cho trống thủng? Nó thủng như em ấy...

Xuân Hương mỉm cười, khẽ ngâm:

Của em bưng bít những bụi nhùi

Nó thủng vì chưng kẻ nặng dùi

Ngày vắng bập bùng dăm bảy chiếc

Đêm thanh từng cắc một đôi hồi

Khi dang thẳng cánh bù khi cú

Lúc đứng chưa xong đã lúc ngồi

Nhấn nhủ ai về thương lấy với:

Thịt da, ai cũng thế mà thôi...

Chiêu Hồ lườm lườm vẻ triu mến, hỏi:

- Thế sang nữa hay là một chuyến thôi?

* * *

Cuộc đan dứ này vừa đôi phải lứa, qua mấy tháng hè thật là khăng khít bên nhau. Đến khi trời đổ sang thu, chiêu Hồ dần dần thưa bóng. Chẳng phải có thay đổi gì trong lòng chàng, nhưng đã đến lúc nho sĩ phải vùi đầu trong nghiên bút để kịp dự khóa thi sắp tới. Một buổi, nhân trong quán có việc phải chi tiêu bất thần mà tiền chưa sẵn, Xuân Hương sai người đưa thư vay chiêu Hồ 5 quan. Chiêu dúi cho 3 quan cầm về. Nàng liền gửi lại mấy câu trách đùa Chú Cuội trên cây đa cung trăng:

Đã bảo là năm, lại có ba!

Trách người quân tử hẹn sai ra

Bao giờ thông thả lên chơi nguyệt

Nhớ hái cho vài nắm lá đa...

Chiêu ta cãi bừa:

Rằng "gián" thì năm, quý mới ba

Tại người thực nữ tính không ra

Ừ rồi thông thả lên chơi nguyệt

Cho cả cảnh đa lẫn củ đa!

Xuân Hương bật cười, nghĩ bụng: người ta hỏi 5 quan, tuy không nói rõ, nhưng tất nhiên là 5 quan quý, nay lại vờ tưởng hỏi 6 quan gián, rồi xì ra 3 quan quý, ra cái điều yêu quý mới làm thế! Anh đồ láu lỉnh, coi vậy mà cũng... dễ thương...

** * **

Ừ rồi thông thả lên chơi nguyệt, sự chênh mảng này không khỏi làm cho nguyệt nhưng nhớ gốc đa, nên gửi lời thăm hỏi:

Đã bấy lâu nay luống nhẩn nhe

Nhẩn nhe toan những sự gùn ghè

Gùn ghè, nhưng vẫn còn chưa dám

Chưa dám cho nên phải rụt rè...

Anh đồ họa ngay, vẫn cái giọng ỡm ờ:

Hỡi hỡi cô hay tố bảo nhe

Bảo nhe không được, gậy ông ghè

Ông ghè không được, ông ghè mãi

Ghè mãi rồi lâu cũng phải rề...

** * **

Từ khi gặp Chiêu Hồ, Xuân Hương được đáp ứng dồi dào về nhu cầu thể chất, văn tài lại nẩy nở đến mức tinh vi, nên nàng thấy cuộc đời tràn đầy sinh thú, không còn ước vọng viễn vông gì nữa.

Một hôm rảnh rỗi, nàng thủng thỉnh một mình đi đến Khán xuân đài. Đài dựng ngay chân núi Nùng, để khách thừa lương văn cảnh. Đối cảnh sinh tình, nàng khẽ ngâm:

Êm ả chiều thu đến Khán đài

Lâng lâng chẳng bận chút trần ai

Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng

Một vũng tang thương nước lộn giời

Bể ai nghìn trùng khôn tát cạn

Nguồn ân muôn trượng vẫn chơi vơi

Nào nào cực lạc là đâu tá?

Cực lạc là đây chín rõ mười...

Cực lạc là đây chín rõ mười? Trong lúc sung mãn thì Xuân Hương nói thế, chứ có ngờ đâu khi lên tột đỉnh rồi ắt phải xuống, chín rõ mười thì mười rồi xuống chín và còn xuống nữa? Chả là vì hạnh phúc của nàng do Chiêu Hồ đem lại, mà cậu Chiêu thì sau buổi đầu bông bột, lòng mến thương đã lắng, không còn ăn đêm ở ngày nơi quán Ngọc Hồ nữa mà chỉ ừ, rồi thông thả lên chơi thôi, bởi nhiều lẽ.

Cuộc đàn dúi này cậu dấu diếm kỹ thế mà sao thiên hạ đồn rầm lên khiến cha mẹ răn đe, vợ con hờn giận, bạn bè cũng chê cười? Ấy chỉ vì những bài thơ xướng họa với Xuân Hương không biết do đâu truyền đi mà nhiều người thuộc thế! Thanh niên thì thích thú ngợi khen, nhưng người đứng tuổi, nhất là trong làng Nho, ai cũng cho là nhảm nhí. Thơ Xuân Hương lảng lơ đã đành, thơ Chiêu Hồ thật không ra phẩm hạnh người đọc sách thánh hiền. Thành thử Chiêu Hồ cũng ngượng ngùng, rồi đâm hối hận là có tội với danh giáo. Huống chi, như trên đã nói, gần đến khóa thi rồi không thể đa mang tình nhi nữ được nữa. Thế là cậu bán sới.

Chỉ một tháng sau, Phạm Đình Hồ đi dự thi, đỗ hương cống: cậu cháu nay đã lên chân cống sinh, càng cần phải xét nét hạnh kiểm. Gia dĩ thân phụ đang giữ chức lớn trong triều, cũng muốn dẹp bớt tai tiếng cho con, nên tìm cách nâng đỡ cho sớm được xuất chính, để xa lánh đất Thăng Long, nhất là xa quán Ngọc Hồ. Nhân bấy giờ vùng Thanh Nghệ đương có mấy chân khuyết, thầy Cống chỉ đợi có ít ngày là được lệnh bổ đi một huyện nhỏ tỉnh Hà tĩnh. Liền sắm sửa hành trang rồi dẫn thê tử lên đường nhậm chức. Được tin này, Xuân Hương không giận mà lại thương cho quan huyện mới đã bị bả vinh hoa nhốt vào vòng cương tỏa, làm thui chột khí phách của tuổi vàng son...

Nàng lại mừng cho mình may mắn không vướng phải chút hùm con! Cứ kể có mà bỗng trốc tay đôi khi cũng đỡ buồn, nhưng ở buổi nhiều nhương này, mẹ con rồi trông cậy vào đâu lúc mai kia mốt nọ? Cho nên Xuân Hương càng ngậm ngùi thân phận, càng chán chường cho tình người và ngán ngẩm tuồng đời. Nhớ lại câu mình tự hỏi: nào cực lạc là đâu tá? thêm thẹn thùng chua xót nghĩ tới cái hồi nào đó tưởng đã tìm ra giải đáp...

Thì bây giờ cực lạc là thế này đây?

Xuân Hương tìm khuây khỏa trong những cuộc nhàn du, gửi tâm hồn vào gió mây non nước. Có lần vui chân lên huyện Sài sơn, tỉnh Sơn tây, thăm chùa Phật tích ở xã Thụy khuê, tục gọi là chùa Thầy nơi sư Từ Đạo Hạnh xưa, khi viên tịch thoát xác trong một hang đá mà người sau gọi là hang Thánh hóa. Xuân Hương tức cảnh:

Hang Thánh Hóa

Khen thay con Tạo khéo khôn phàm

Một đố giương ra biết mấy ngàm

Luồn đá, cở leo sờ rậm rạp

Lách khe, nước dỉ, mớ lam nham

Một sư đầu trọc ngồi khua mõ

Hai tiểu lưng tròn đứng giữ am

Mới biết đây là Hang Thánh hóa

Chồn chân mỗi gối vẫn còn ham...

Nơi đây, còn một hang nữa mang cái tên éo le: hang Cắc có. Tên này làm nàng thoát ra ngay năm vằn:

Trời đất sinh ra đá một chòm

Nứt ra đôi mảnh hỏm hòm hom

Kẽ hằm rêu mốc tro toen hoئن

Luồng gió thông reo vỗ phập phồm

Giọt nước hữu tình rơi lồm bồm

Con đường vô ngần tối om om

Khen ai đẽo đá tài xuyên tạc

Khéo hớ hênh cho lằm kẻ nhòm...

Dạo chơi xa gần, vẫn không quên được sự lòng hiu quạnh thường thốt ra lời thơ:

Tự tình

Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh

Giữa dòng ngao ngán nổi lênh dênh

Lưng khoang tình nghĩa nhường lai láng

Nửa mạn phong ba luống bập bênh

Cầm lái, mặc ai lăm đổ bến
Dong lèo, thây kẻ rắp xuôi ghềnh
Ây ai thăm ván cam lòng vậy
Ngán nỗi ôm đàn những tập tênh?
Ngồi nhăm những đoạn tơ chắp nối, cố quên đi những phen phụ bạc ơ hờ, để tưởng lại một đôi nơi từng chớm với mình bao xúc cảm đầm thắm êm đềm, nàng giở lại những vần tình tứ mình gửi cho bạn thơ như Tồn Phong:

I
Chồn bước may đâu khéo hẹn hò
Duyên chi, hay bởi nợ chi, ru?
Sương sa áo lục nhồi hương sạ
Gió lọt cành lê lứt mặt hồ
Muốn chắp chỉ đào thêu trướng gấm
Mà đem lá thắm thả dòng Tô
Trong trần mấy kẻ tinh con mắt
Biết ngọc mà trao, mới kể cho...II
Kiếp này chẳng gặp nữa thì liều
Những chắc trăm năm, há bấy nhiêu
Nghĩ lại luống đau cho phận bạc
Nói ra thêm nhẹ với thân bèo
Chén thề thừa nợ tay còn dính
Món tóc thời xưa cánh vẫn đeo
Được lựa tài tình cho xứng đáng
Nghìn non muôn nước cũng tìm theo
Hay cho thi hữu Sơn phủ:
Này đoạn chung tình biết với nhau
Tiễn đưa ba bước tới bên cầu
Trên tay khép mở tênh chiều nhận
Trước mặt đi về gấp bóng cầu
Nước mắt trên hoa là lối cũ
Mùi hương trong nệm cả đêm thâu
Vắng nhau mới biết tình nhau lắm
Này đoạn chung tình biết với nhau...

Bạn thơ của Xuân Hương không những chỉ ở trong đám văn nhân tài tử như Tồn Phong và Sơn Phủ, mà còn thấp thoáng nơi vai vế trong chính quyền nữa. Khoảng năm 1810, nàng từng xướng họa với Nguyễn Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền, tức là tác giả Truyện Kiều, lúc ấy ngồi chức tri phủ Thường Tín (Hà Đông). Rồi bằng đi 3 năm, bỗng được tin hầu thăng chức Cần chánh điện học sĩ, bèn gửi mừng một luật Đường:

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung
Mượn ai tới đây gửi cho cùng
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không
Xe ngựa trộm mừng duyên tập nập
Phấn son càng tủi phận long đong

Biết còn mảy chút sương đeo mái

Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong...

Hồi này Tố Như tiên sinh đang ở Thăng Long để sửa soạn sung chức chánh sứ sang Trung Hoa, không biết hôm sau khi được thơ, có đến thăm tạ người đẹp, hay bận rộn mà lơ là...

Lăng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

MIẾNG ĐỈNH CHUNG

Cực lạc là thế này đây: nhọc nhằn lận đận, uống một đời thông minh? Ngồi một mình trong quán vắng, Xuân Hương đang chán chường cho thân thể, thì một người nón dứa áo xa bước vào. Trông vẻ chừng chạc, tuổi chừng trên dưới ba mươi, hình như ở xa mới đến, giày còn đầy bụi.

Khách vội nói ngay:

- May quá được gặp quý nương! Chả là bữa nọ bỉ nhân đã đến mà chưa được chiêm ngưỡng tư dung, nên chẳng ngại xa xôi, hôm nay phải đến nữa, vì quý nương đã dành cho một nửa cảm tình rồi...

- Dành cho một nửa cảm tình? Tiên sinh nói thế là sao cơ, tiện thiếp không hiểu?

- Bỉ nhân có vật này, quý nương trông thấy là hiểu ngay.

Liền rút trong túi ra một phong giấy đặt lên bàn trước mặt Xuân Hương. Nàng ngập ngừng nói:

- Phong giấy này dán kín, thiếp đâu dám đường đột...

- Không sao đâu. Hay thôi, để bỉ nhân đưa trình cho phải phép.

Khách cẩn thận bóc theo đường dán, lấy ra một mảnh hoa tiên. Hai tay nâng trình, Xuân Hương đỡ lấy mở ra xem, giật mình thấy tường chữ của mình viết:

Mảnh tình ví xẻ làm đôi được

Nửa để trong nhà, nửa để ra...

Bụng bảo dạ: Rõ nỡm thật! Bữa ấy mắc dở có hùm đây mà... Vội trấn tĩnh ngay:

- Xin tiên sinh miễn trách. Hôm ấy trong nhà làm bánh, đang mê man về nhào với nặn, nên mang lỗi thất nghệnh.

- Quý nương coi đấy, bỉ nhân nói có sai đâu! Đã được một nửa để ra rồi, nay xin cho nốt nửa để trong nhà ...

- Cái đó không khó. Chúng ta là con nhà văn tự mà! Tiên sinh hạ cố, tất đã xem qua thơ của thiếp: dở hay tùy lượng đại phương, nhưng đó cũng là một nửa rồi. Còn nửa kia về phần tiên sinh...

- Ấy chết, quý nương tính sai rồi, nửa mà quý nương vừa nói đó, là nửa để ra ngoài, còn nửa để trong nhà đâu đã thấy?

- Thì văn thơ có xướng ắt có họa chứ? Xin được nghe giai cú đã, đi đâu mà vội?

- Bỉ nhân xin thú thật: về văn nômi thì khả năng không đủ nói tới, nhất là trước mặt Tạ, Ban...

Chỉ xin ra đề để bỉ nhân học đòi làm đôi văn phú...

- Đã thế, dám xin tiên sinh cho kẻ ngu độn này được lãnh hội ít văn về Dịch đình Dương xa[6] chẳng hạn...

Xuân Hương bèn mời khách vào nhà trong, xếp chỗ tĩnh mịch, có đủ văn phòng tứ bảo lại thêm

nằm rượu bình trà, để khách ngồi cấu tứ...

Chừng một giờ sau, khách thoát cảo, diện trình giai nhân. Nàng vừa đọc vừa tấm tắc khen: lời hay, vần chỉnh, ý lại sâu sắc, thật đáng tài khoa giáp. Kỳ này tiên sinh ứng cử đi, thế nào cũng vượt vũ môn! Bây giờ trời đã chiều rồi, mời tiên sinh nán lại dùng bữa cơm rau với em nhé! Khách vui vẻ ở lại, hai người uống rượu ngâm thơ rất là tương đắc. Dần dà cũng như hồi nọ: tiên sinh với quý nương biến ra anh với em lúc nào không hay...

Sau đó, một tháng đôi tuần, có khi ba bốn, khách lại tìm đến uống chén tẩy trần cho quên dọc đường gió bụi. Rồi một hôm, khách ngập ngừng nói nhỏ:

- Chẳng dẫu gì em, anh ở tỉnh nhỏ, không về đây được năng như ý muốn, vậy em thử tính dùm xem... hay là xuống tỉnh với anh cho vui...

- Nhưng còn bà cả, biết có ưng cho không?

- Không ưng rồi cũng phải ưng, cốt ở anh mà! Cứ tin ở anh là xong xuôi hết...

Nghe bùi tai Xuân Hương mềm lòng, lại nghĩ từ khi hùm đi, mình chẳng dòm nom gì đến quán thành ra vắng vẻ buồn tênh. Thôi thì lại làm hai lần nữa cũng đành, cho đáng cái kiếp dự phần tài sắc!

Thế là nhất quyết dẹp quán, theo chàng xuôi xuống Hưng Yên, chấp nhận mọi thử thách... Có biết đâu làm lễ kỳ này khác xa kỳ trước: kỳ trước tổng Cóc máu mê cờ bạc bỏ mình trông trơ, nhưng vợ cả trọng tuổi không hành hạ mình. Còn kỳ này mình được chồng nặng tình âu yếm thì lại bị cô vợ cả trẻ trung cứ giữ riết anh chàng không dời nửa bước, đẩy mình vào cái cảnh ăn cơm nguội nằm nhà ngoài, chịu làm sao cho thấu!

Những đêm một mình một bóng, nàng không ngăn được nỗi hận lòng, lấm bầm rửa thắm:

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lòng

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!

Mười đêm, chị giữ mười đêm cả

Suốt tháng, em nằm suốt tháng không

Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm

Cầm bằng làm mướn, mướn không công

Thân này ví biết nhưong này nhỉ

Thà trước thôi đành... ở vậy xong!

Nỗi niềm của vợ lẽ không ai thấu triệt bằng chồng. Nhưng chồng sợ điều tiếng trong gia đạo làm phố xóm chê cười, nên đành ngậm miệng, để hết tâm trí vào việc dùi mài kinh sử cho quên cay đắng.

Thật may mắn cho hai kẻ đa tình: nỗi đau ngấm ngầm tưởng không cách nào nguôi được, hay đâu con đường khoa hoạn lại giải thoát dùm cho: khoa thi vừa mở thì lều chõng mấy kỳ chồng đều trót lọt, đến khi yết bảng, tên chàng lộ lộ đứng vào số năm. Đúng là cá vượt vũ môn như lời Xuân Hương tiên đoán! Mừng này chưa hết lại tiếp nỗi mừng hơn: trong có vài tháng, được bổ tri phủ Vĩnh Tường. Vợ thu xếp việc nhà: mới đi nhậm chức nơi xa, chưa tiện đem theo hết gia tiểu, thì vợ cái con cột hãy ở lại phụng dưỡng mẹ già và trông nom ruộng nương nhà cửa, tạm chỉ một mình cô hai theo hầu cơm nước, yên ổn đâu đấy rồi sẽ tính sau...

Thế là một sớm Xuân Hương cùng chồng trực chỉ phủ đường. Đến nơi, nàng thở phào nhẹ nhõm: từ đây, vợ cả vợ hai cũng là vợ cả, câu nói đùa trở thành sự thật, mình nghiễm nhiên là bà phủ Vĩnh Tường tênh tênh một vai mạnh phụ...

Phủ đường nằm trên bờ sông Hồng, chung quanh cây cối um tùm, những khi rỗi rảnh vợ chồng

đối diện đàm tâm, nàng chuốt nên lời thơ siêu thoát, không còn cái giọng tinh ranh bóng gió thừa còn non tuổi:

*Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ:
Xanh um cổ thụ tròn xoe tán
Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ.
Bầu rốc giang sơn say chập rượu
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ
Ô hay, cảnh cũng ư người nhỉ
Ai thấy ai mà chẳng ngẩn ngơ...*

Ông Phủ vốn là cốt cách văn nhuợc, trong tuổi học trò quá chuyên cần đèn sách, nên sức vóc mỗi mòn, hôm nào tan buổi hầu sáng cũng phải nghỉ trưa tĩnh dưỡng. Những lúc này bà phủ được thông thả, hay ra ngồi chơi ngoài công đường, trò chuyện với những dân đứng chờ nộp đơn buổi chiều. Có khi xem đơn thấy việc nào không quan trọng thì tự ý giải quyết, cốt nhẹ việc cho chồng.

Một hôm, một ông hương cống xin phép mổ trâu. Ý chừng muốn tránh tiếng mổ cho là không nhã, nên ông viết: xin làm trâu. Bà phủ không nín được cười, phê ngay:

*Người ta thì chẳng được đâu
Ừ thì ông Cống làm trâu thì làm!*

Tha hồ cho ông cống làm thân con trâu!

* * *

Lại có lần chị Nguyễn Thị Đào, vợ góa một anh lái đò đầu đơn xin rút hạn tang chồng để đi tái giá lấy chỗ nương tựa, vì quá nghèo khổ. Bà phủ cầm bút viết liền trên đơn:

*Phó cho con Nguyễn Thị Đào
Nước trong leo lẻo, cấm sào đợi ai?
Chữ rằng: xuân bất tái lai
Cho về kiếm chút, kéo mai nữa già...*

Những chuyện này khi nàng kể lại cho chồng nghe, ông phủ chỉ cười, vì yêu cái tính của vợ hồn nhiên, không coi khuôn phép vào đâu cả.

* * *

Vợ chồng sống bên nhau thật là xứng ý: khi trà rượu, khi văn thơ sử sách, cuộc đời ung dung tươi sáng, tưởng còn hạnh phúc nào hơn!

Tiếc thay, cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn: sức khỏe của ông phủ mỗi ngày một đuối, đến một hôm đi kinh lý miền xa bị cảm gió sương, lúc về nằm liệt cả tuần, rồi cứ lả dần, lả dần, đến khi tắt nghỉ trên tay người bạn chung tình...

Thế là một trời sụp đổ trước mắt Xuân Hương. Nàng oán tạo hóa bất công, hạn cuộc đời nghiệt ngã, lòng thương chồng tưởng hàng trăm năm chưa dứt, đâu phải chỉ đến mãn tang là thôi! Vì thế nàng ghen ngào thốn thức:

*Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!
Cái nợ trần hoàn có thể thôi
Chôn chặt văn chương ba thước đất
Ném tung hồ thỉ bốn phương trời
Cán cân tạo hóa rơi đâu mất*

*Miếng túi càn khôn thắt lại rồi
Hăm bảy thấng trời là mấy chốc
Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!*

Mọi việc tang lễ lo đầy đủ, Xuân Hương trở lại Thăng Long, mượn một căn nhà nhỏ ở phố Lý Quốc Sư[7] gần ngõ huyện Thọ Xương, để sớm hôm thờ cúng ông Phủ cho trọn đạo một vị vong nhân.

Một mình vò vố, càng nghĩ càng thấm thía câumá hồng phận bạc, rồi lại tự bào chữa: mình là con nhà dân dã, giá đưng trèo cao thì đâu đến nỗi ngã đau thế này.

Giữa lúc ấy, nghe phía huyện có tiếng khóc, hỏi ra mới biết là bà huyện khóc chồng chẳng may tạ thế hôm trước. Xuân Hương cảm thấy tình cảnh sao mà y hệt như của mình, vì bà huyện vốn là một cô gái quê, nên lắm bầm mấy câu nhẩn người mà cũng là tự nhủ:

*Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng
Nín đi, kéo thẹn với non sông...
Ai về nhẩn nhủ đàn em bé:
Xấu máu, thì khem miếng đỉnh chung!*

Lăng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

OÁN HẬN MỌI CHÒM

"Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!" Lời khóc thê thiết thốt ra trong lúc đau thương tột độ này, tưởng rồi sẽ nguôi dần theo dòng thời gian. Ai ngờ không những đã qua hăm bảy tháng trời tang tóc, mà còn dài, còn lâu nữa sau đó. Xuân Hương vẫn một niềm chung thủy với chồng. Tự lòng nàng muốn vẹn nghĩa đã đành, nhưng thời thế cũng giúp cho quyết tâm ấy không bị lay chuyển. Là vì chưa mãn tang ông phủ, nàng đã thấy triều Lê sụp đổ. Qua mấy năm Quang Trung, đại cục tuy có vãn hồi, nhưng nhân dân còn trong cảnh điêu tàn: loạn lạc làm cho nhiều gia đình ly tán, đói kém gây ra cảnh cướp bóc, ai cũng lo chạy lấy thân, còn bụng nào nghĩ đến những vui chơi trong buổi thanh bình!

Về phần Xuân Hương, từ khi rời phủ Vĩnh Tường trở về Thăng Long, ở phố Lý Quốc Sư, cùng với ông bố già khi trước trông nom quán Ngọc Hồ, và bà vú nuôi từ hồi măng sữa, ba người ẩn nhẫn sống qua ngày. Khi có giặc thì tạm lánh về quê bà vú, yên hàn lại trở ra, một mình bà vú buôn quanh bán quẩn cũng qua ngày. Còn Xuân Hương âm thầm tâm niệm trước bàn thờ chồng, không còn tính cao ngạo như trước.

Vả lại những bạn bè thân tình khi trước đều lưu lạc tha phương, không gặp ai để vui cười ngâm vịnh nữa. Chỉ có một lần đi rẽ qua một ngõ nhỏ để ra bờ sông, thấy mấy bà sị sụp lễ bái trước một ngôi đền đặt trên chòi cao khói hương nghi ngút, nàng ghé vào xem tấm bảng trên cửa ngoài, mới biết là thờ Sầm Nghi Đống, thái thú bị vùi thây trên gò Đống Đa dạo nào. Liền hỏi mấy bà đi lễ:

- Đây là nơi thờ của người Tàu, sao các bà lại đến vái lạy làm gì?

Mới biết là người Tàu sau khi tìm ra được thây họ Sầm còn bọc trong quần áo tướng võ, đã xây mộ trên gò, rồi lập đền ở đây và loan truyền là thiêng lắm. Mấy bà kia sợ dĩ đến lễ tạ, vì mấy đứa trẻ nhỏ đi chăn trâu trên gò, đã vô ý bài tiết trên mộ Sầm nên khi về nhà bị sốt mê man...

Nàng bực mình, khẩu chiếm mấy câu:

Ghé mắt trông sang thấy bảng treo

Kìa đền thái thú đứng cheo leo

Ví đây đối phận làm trai được

Thì sự anh hùng há bấy nhiêu!

Anh hùng nổi gì? Bị quân ta giết chết, lại đi trả thù mấy đứa trẻ nít...

* * *

Xuân Hương sống heo hút thế mà thấm thoát đã hơn mười năm qua. Đến lúc an ninh trở lại thì đã sang mấy năm Gia Long rồi! Sự ổn định không phải do tài vua mới, mà chỉ là qua bao thời giặc giã, nhân dân chán nản cảnh lục đục gây gổ, nên nức lòng hòa hoãn để xây dựng lại quê hương.

Nói đến quê hương, nàng sức nghĩ: mình tuy sinh trưởng ở đất Bắc nhưng mang dòng máu miền Trung, bấy lâu nay lận đận chưa bao giờ thăm được nơi gốc gác, bây giờ bình yên cũng nên thu xếp về chơi một phen cho biết.

Đường bộ nhọc nhằn, thân gái khó bề kham nổi, nàng liền cùng bà vú ra bên Núi hỏi ngày có chuyến vào Nghê, rồi về sắm sửa hành lý, hai người dắt nhau đứng hẹn xuống thuyền.

Gần trưa, thuyền gặp nơi khúc sông hẹp lại: hai bờ, hai quả núi sừng sững châu đầu vào nhau. Xuân Hương thường nghe nói vùng Kẻ Sở có đoạn sông gọi là Kẽm Trống, liền xướng lên câu hỏi:

Hai bên thì núi, giữa thì sông

Có phải đây là Kẽm Trống không?

Thấy lái thuyền bảo đứng, nàng tiếp:

Gió đập cành cây khua lắc cắc

Sóng dồn mặt nước vỗ long bong

Ở trong hang đá còn hơi hẹp

Ra khỏi đầu non đã rộng thùng

Qua cửa mình ơ, nên ngấm lại

Nào ai có biết nổi bụng bồng!

Bác lái trở mắt:

- Ủa, cô làm thơ? Vậy là giỏi thiệt chớ phải chơi!

Nhưng bà vú lăm bắm, chỉ đủ Xuân Hương nghe:

- Mười mấy năm rồi, rộng hẹp, cửa mình cửa ta, bụng bồng bụng bít, chỉ ông phủ biết là đủ rồi, nhắc mãi làm chi?

- U ơ, em nói để những ai hay nghĩ đâu đâu muốn hiểu sao thì hiểu, cho bỏ cái tiếng yêu tinh thần nữ họ đặt cho mình, còn lòng em, bấy lâu nay thế nào, u đã thừa rõ...

Từ đấy vào Quỳnh Lưu, hai người được lái thuyền ưu đãi, hành khách nể vì, nên cuộc hành trình chấm dứt trong vui vẻ thoải mái.

Lên bộ, nhìn quanh mình, quang cảnh thật tiêu điều: vết thương chiến sự chur hàn gán được hết, ruộng vườn nứt nẻ, nhà cửa đổ nát hầy còn nhiều, dân chúng lại lra thừa, hình như số đông đã chạy về tỉnh thành cho dễ sống hơn.

Dạo dẫm mãi mới tìm ra mấy gia đình họ Hồ, thì những người ít tuổi không hiểu gì chuyện cũ đã đành, ngay những người năm sáu mươi cũng không nhớ được gì chính xác.

Lòng buồn rười rượi, Xuân Hương cùng bà vú tản bộ các nơi, xem phong cảnh cho khuây. Đi qua một nơi gọi là Cửa Đố, nàng mỉm cười:

- Cửa gì là Cửa Đố? Làm cho em nghĩ đến Cửa Đây!

Bà vú lăm bắm:

- Em chỉ thế thôi, không lúc nào nghĩ gì cho đứng đắn cả...

Thì u trông đấy: hai quả núi kia giáp nhau, ngọn ngửa ra mà chân chụm lại, có khác gì cái hom[8] để ngược, từng thu hút vua chúa cùng văn nhân quân tử không? Cho nên em bảo:

Khéo khen ai đẽo đá chênh vênh, Tra hom ngược để đơm người để bá

Góm con Tào lừa cơ tem hẻm, Rút nút xuôi cho lọt khách cổ kim

* * *

Đương dạo chơi, một hôm Xuân Hương chợt nhớ ra hồi trước chiêu Hồ vào làm quan trong này, bèn tìm đến một hai phủ huyện hỏi thăm đám nha lại, thì được biết họ Phạm đã thăng

thuyền từ lâu, hiện giữ chức lớn ở Phú Xuân.

Thấy đường xa cũng ngại, vả lại đi thăm cậu chiêu chỉ để biết hiện tình bạn cũ mà thôi chứ không dự tính gì hết. Nhưng cất công vào đây chẳng được việc gì thì ra về sao đành? Nghe nói dọc đường non cao biển rộng, nhiều nơi hùng vĩ, nên lại nức lòng, đi cho biết đó biết đây.

Qua đèo Ba Dội, nàng vừa trèo vừa ngâm:

Một đèo... một đèo... lại một đèo

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo

Cửa son đỏ loét, tầm hum nóc

Sườn đá xanh rì, lún phún rêu

Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc

Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo

Văn nhân quân tử ai là chẳng

Mỏi gối chồn chân... vẫn muốn trèo!

Tới được Phú Xuân rồi thì thăm tin cũng dễ: họ Phạm đương làm quan lớn trong viện Hàn

Lâm[9]Tìm đến cửa viện, xin vào yết kiến, thì lính canh quát tháo:

- Các mục lớn mật thiệt! Cự lớn đây nghiêm lắm, đã ra lệnh không bao giờ cho đàn bà vào dinh, thôi lui đi đừng kêu nài vô ích!

Xuân Hương liền viết tên vào tờ hoa tiên, rồi khẩn khoản nói với tên lính:

- Thôi, chúng tôi cũng chẳng dám vào quấy nhiễu cự lớn. Chỉ xin chú làm ơn trình dùm mảnh giấy này.

Nói hai ba lần, tên lính mới bằng lòng cầm giấy đi. Một lát sau, hắn trở ra, trả lại tờ hoa tiên.

Xuân Hương liếc mắt qua, thấy dưới tên mình có hai dòng rõ là nét của "hùm":

Rày đã làm cha thẳng xích tử

Thôi thì dù mẹ cái hồng nhan

Hai câu thật sỗ sàng nhưng nàng không giận, còn mừng rằng cự lớn chưa bị chốn quyền môn làm mất bản sắc, vẫn còn lối cù nhầy như trước, liền mỉm cười lấy giấy viết một vế đối để giỡn lại:

Mặc áo giáp, giải cài chữ đình, Mậu kỷ canh, khoe mình là quý

Lại nhờ lính đem trình. Khoảnh khắc, lính cầm ra tờ giấy của mình như trước, thêm có vế đối lại:

Làm dĩ càn, tai đeo hạt khảm, Tốn li đoài, khéo nói rằng khôn

Rõ là nàng dụng ý gọi chàng bằng đình là đùa thì chàng cũng chẳng tha gì, không chê nàng là đi!

Nhưng đều tuyệt diệu lấy trong 12 chi đối lại chữ trong 10 can, mà hàm được hai câu chữ rửa đối nhau.

Vừa xem qua, lại nghe lính nói:

- Thôi về đi? Cự lớn truyền không được đưa giấy tờ gì vào nữa!

Xuân Hương giận tím mặt, kéo bà vú ra về, lẩm bẩm:

- Quân này ba que thật, u ả! Hễ trèo lên được bậc thang danh vọng là mất hết tình người? Đạo đức của chúng là thế đấy, có khác gì cái áo cà sa khoác ngoài mà bên trong chỉ là con thú! Chỉ tiếc rằng khi biết mặt thật của những người mình tin yêu thì mình đã già rồi...

Không có cái buồn nào thấm thía hơn cái buồn của Xuân Hương trên đường từ giã Phú Xuân

lặn độn trở về Thăng Long. May được bà vú khuyên giải vỗ về nên cũng dần dần khuây khỏa.

Từ khi uể oải trở về phố Lý Quốc Sư, những lúc đêm khuya một mình một bóng trước đĩa đèn

dầu leo lét sợi bắc đã gần xơ, mỗi tiếng trống cầm canh từ bên huyện Thọ Xương vẳng đến lại gieo vào tâm tư một nỗi quạnh hiu chán chường, khiến Xuân Hương viết ra lời thơ ghen ngào chua xót:

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn
Xuyên ngang mặt đất rêu từng đám
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con...*

Hồi tưởng những gặp gỡ, những chia ly, những mừng giận, yêu thương, những bông bột bông cháy nhưng vừa bùng đã tắt, đâm rêu hòn đá đâm toạc xuyên ngang cũng chỉ cung ứng cho sự đòi hỏi được một chút con con, nàng càng ngán cho phận mình, lại càng xót xa cho số kiếp má hồng...

Thế rồi qua những cuộc tỉnh say vội vã, bóng trăng khuyết vẫn chưa tròn, mà quanh mình lại điều ong tiếng ve mai mỉa là lẳng lơ sa đọa, lòng nàng cảm thấy tràn đầy oán hận:

*Tiếng gà văng vẳng gáy trên hom
Oán hận trông ra khắp mọi chòm
Mỡ thấm không khua mà cũng "cốc"
Chuông sầu chẳng đánh có sao "om"?
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ
Sau giận vì duyên để mồm mòm
Tài tử văn nhân ai đó tá
Thân này đâu đã chịu già tom!*

Nỗi oán hận của nàng không cách nào giải tỏa vì bị thể chất chi phối, chỉ thời gian mới dần dần làm phai mờ đi trong sắc thái bi quan, khiến nàng rồi không tha thiết gì nữa, chỉ còn lạnh lùng chán ghét mọi sự mà thôi.

Câu "*thân này đâu đã chịu già tom*" có vẻ thách thức con tạo, thực ra chỉ để tự an ủi mình, vì một khi "bóng đã vùn vùn xế chiều chỉ ngần sao được màu thời gian điểm trên mái tóc, nếp vào đuôi mắt, và như sau này Tản Đà đã mách: Chờ chiều hôm kẻ cắp lẳng thừa dần! Bây giờ khách ngưỡng mộ chỉ tới lui trong địa hạt văn chương, mà ngay trong địa hạt này, khi đề cập đến "xuân tình" đến "thú vui" cũng không còn hứng thú như thuở đương hơ hớ!

Cho nên mình "không chịu già tom" mà rồi hoàng hôn đổ xuống, bóng giai nhân lặng lẽ chìm dần, chìm dần rồi tan biến vào quên lãng... Đến nỗi sau này không còn ai biết nàng đã lìa trần vào ngày, tháng, năm nào, bao nhiêu thi phẩm có bản thảo nào lưu lại.

Nhưng bản thảo nào quý bằng sự truyền khẩu đời đời thích thú của quốc dân!

Lăng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

VÀI NHẬN XÉT VỀ THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG

Đặc tính thơ Hồ Xuân Hương là khêu gợi nhục thể, một sự khêu gợi không pha màu lý trí hay thần bí như ta từng gặp trong tác phẩm của những thi nhân được gọi là uớt át. Khêu gợi ở đây là đề cập đến khoái cảm nhục dục một cách tha thiết, mà nhà phân tâm học có thể cho là một trạng thái thần kinh bị ám ảnh, hay một sự bất mãn khiến cho thèm khát thỏa mãn. Dùng những hình ảnh táo bạo, những lời nói bóng gió, nữ sĩ đã không kiêng nể gì các điều cấm kỵ của Khổng giáo đương được tôn sùng, và như vậy là đã vượt xa ra ngoài khuôn khổ của thời đại. Nhưng nguồn cảm hứng, thì lại gần gũi với gốc gác bình dân của nàng. Những phụ nữ nghèo và cô đơn hay có thái độ đánh liều hoặc/àm già nhiều khi đến trơ trẽn cũng không ngại. Nàng thì hơn các bạn này nhờ thông minh và học thức. Khiếu làm thơ của nàng vốn đã kiệt xuất lại được hỗ trợ bằng những từ ngữ vừa giản dị, vừa tự nhiên, vừa có âm điệu êm ái như ca dao, làm cho câu thơ dễ ngâm nga, dễ nhớ, do đó mà lan rộng mau lẹ ra quảng đại quần chúng. Nói đến âm điệu thì tiếng Việt ta vốn là do hài âm mà thành nên bằng trắc hòa hợp cốt sao cho thuận tai, vì thế: thượng bình thanh đi với dấu sắc dấu hỏi, bình thanh với dấu nặng dấu ngã, thí dụ: đo đỏ - đo đỏ - đo đỏ, đo đỏ, đo đỏ. Những chữ đôi cũng như hai chữ đi liền nhau, nếu chữ trên thượng bình thì chữ sau phải dấu sắc dấu hỏi, mà bình thanh thì dấu nặng dấu ngã. Nhiều bài thơ rất hay và đúng niêm luật nhưng không đúng với bằng trắc riêng của tiếng ta, thành ra mang bệnh khổ độc, khó ngâm, thành ra khó nhớ. Luật bằng trắc này sẵn có trong lời nói tự nhiên. Thơ Xuân Hương phần nhiều ứng khẩu mà ra, nên cũng tự nhiên mà bằng trắc tiếp nhau đúng điệu. Bản tính của Xuân Hương là luôn luôn chống đối. Các nhà nho đương thời động nói hay viết là dùng chữ Hán cho ra vẻ thông thái. Thế là nàng dùng tiếng ta đối lại để diễn tả những điều tế nhị bóng bẩy chẳng kém gì chữ Hán: do đó nàng đã nâng tiếng nôm của ta lên hàng thể thức văn chương. Hành động chối bỏ lẽ lối của phần đông, cũng là một cử chỉ đáng trọng. Thế thôi, chứ cho Xuân Hương là một nhà cách mạng, e rằng quá lạm. Vì rằng sống trong buổi loạn ly (cuối Hậu Lê 1786- 1789, Tây Sơn 1778-1801) qua cuộc chiến thắng vĩ đại của Nguyễn Huệ, nàng không một câu về thời cục, chỉ đả động phớt qua về Sầm Nghi Đống sau khi hắn đã chết.

Suốt đời nàng chỉ loanh quanh trong cuộc nhân sinh tầm thường: khổ tâm về cảnh lẽ mọn, nàng không chống chế độ đa thê; buộc phải lấy chồng vì lẽ sống, nàng đành dẹp bỏ sự đòi hỏi của lòng riêng. Trước sau nàng chỉ một chữ dằn. Tuy có quấy mình nhưng không hăng hái, không quyết liệt, nàng phản kháng bằng nhạo báng, gây tai tiếng bằng những từ ngữ phô bày lấp ló hoặc nói trại nói lái.

Như vậy, tưởng chẳng nên gán cho nàng những cao vọng mà nàng không có, mà chỉ coi nàng là một nữ sĩ bất phục tùng, đã trả thù xã hội quanh mình bằng thứ khí giới văn chương thật đặc

sắc. Nàng đã yêu thương, đã đau khổ như bao người khác, song chỉ riêng nàng để lại cho chúng ta nụ cười chế diễu vừa ngọt ngào và thắc loạn.

Chỉ bấy nhiêu cũng đủ cho chúng ta cảm mến và tán thưởng.

Lãng Nhân

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1]Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ: một tấm lòng băng trong ngọc hồ

[2]Con vồ: mèo hay khỉ hay vồ thức ăn - băng tâm cái con vồ: không còn băng tâm gì nữa

[3]Sạch nước cản: trong phép đánh cờ thế, mã đi ô chữ nhật, tượng đi ô chữ điền, xe đi liền, pháo đi cách, không đi được như thế tất là bị cản. Sạch nước cản là biết những điều chính trong phép đánh cờ, chứ chưa nói đến cao thấp. Đây có nghĩa là người hiểu biết đại khái, có thể nói chuyện được.

[4]Bánh trôi nước: bột gạo giã thật mịn, bọc viên đường nhỏ, thả vào nồi nước đun thật sôi cho chín, vớt bày ra đĩa nước lạnh, làm món ăn ngày Hàn thực.

[5]Chiêu: tiếng tôn xưng con nhà quan.

[6]Dịch đình dương xa: xe dê trong cung vua (xem cung oán: xe dê lọ rắc lá dâu mới vào!)

[7]Phố Lý Quốc Sư, thời Pháp gọi là đường Lamblol, có đền thờ Lý Quốc sư tức là Nguyễn Minh Không. 24 - Đền thiết lập ở trong một ngõ, sau này gọi là Ngõ Sầm Công.

[8]Hom: những thanh tre buộc chụm lại một đầu, đầu kia để lỏng, tỏa rộng ra để úp xuống nước bắt cá. Nếu để ngược lên thì khó biết là hình gì... (hình tam giác mà đầu ở dưới)

[9]Phạm Đình Hổ bấy giờ làm chức hành tẩu trong viện Hàn Lâm. Đến đời Minh Mạng, được vời làm Tế tửu - Quốc tử giám, vì có tác phong đạo đức!